

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC VỀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

TS NGUYỄN DOÃN THUẬN

Trường Đại học Quy Nhơn

Lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam được hình thành, phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh, các thế hệ người Việt Nam luôn đoàn kết đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và coi đây là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, thiết lập mối quan hệ hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng để tạo môi trường hòa bình, phát triển. Tuy nhiên, các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định chính trị - xã hội, xâm phạm và xuyên tạc về chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

Vì vậy, việc nhận diện và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không chỉ góp phần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

1. Nhận diện những luận điệu sai trái, xuyên tạc về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là vấn đề nhạy cảm, các thế lực thù địch thường khai thác, lợi dụng nhằm phá hoại sự ổn định về chính trị - xã hội ở Việt Nam. Lợi dụng các nguồn tài liệu khác nhau chưa được kiểm chứng, có một số bài viết cáo buộc Việt Nam trong quá trình đàm phán với Trung Quốc

đã “nhân nhượng vô nguyên tắc” dẫn đến “mất đất” ở những khu vực như cửa khẩu Hữu Nghị, đường sắt biên giới Đồng Đăng - Bằng Tường (Lạng Sơn), Thác Bản Giốc (Cao Bằng)⁴... Mục đích của những bài viết này nhằm phủ nhận kết quả của quá trình hợp tác, đàm phán giải quyết vấn đề biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, đồng thời làm cho bộ phận nhân dân “hoài nghi” về chủ trương, đường lối của Đảng trong việc giải quyết những bất đồng về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Ngoài ra, lợi dụng tình hình tranh chấp trên Biển Đông, các thế lực phản động đã sử dụng internet trong đó có mạng xã hội để tung ra những thông tin sai sự thật nhằm xuyên tạc, bóp méo, bịa đặt về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Năm 2014, giàn khoan Hải Dương 981 xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, gây xôn xao dư luận quốc tế và khu vực. Đến ngày 4-7-2019, tàu Hải Dương 8 của Trung Quốc khảo sát trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa phía Nam Biển Đông của Việt Nam. Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch sử dụng các trang mạng xã hội cho rằng Đảng, Nhà nước Việt Nam “nhu nhược”, im lặng vì đã thỏa hiệp với nước ngoài; “không có giải pháp mạnh với Trung Quốc” trong đường lối, chính sách bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; Hải quân Việt Nam “hèn yếu”, “nhu nhược”... Mục đích của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội khi lợi dụng internet và mạng xã hội để đưa các thông tin tuyên truyền sai sự thật, xuyên tạc về tình

hình biên Đông là nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Trên cơ sở đó, các thế lực thù địch đã kích động một bộ phận nhân dân biểu tình, tuần hành gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, từ đó tác động tiêu cực tới nhận thức, tư tưởng, gây tâm lý hoang mang, hoài nghi, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Vấn đề biển, đảo cũng bị lợi dụng, gắn với xuyên tạc công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng: bịa đặt một số lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam “im lặng” để đối lấy vị trí trong Đảng⁵. Mưu đồ sâu xa của các thế lực là thông qua vấn đề biển, đảo để chống phá chế độ, gây chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, thực hiện “diễn biến hòa bình”; chia rẽ quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước có liên quan, làm cho Việt Nam rơi vào tình trạng đối đầu, bị cô lập.

Trong những năm gần đây, lấy cớ việc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ bác bỏ hầu hết yêu sách chủ quyền trên biển Đông của Trung Quốc, trên mạng xã hội, các tổ chức khủng bố, phản động lại tăng cường tái diễn nhiều chiêu trò, luận điệu xuyên tạc về chủ trương, đường lối, chính sách, của Đảng, Nhà nước ta; cố sù ý cho việc “bài Trung, thân Mỹ” hòng gây mất ổn định, mất đoàn kết trong nước và quốc tế làm tổn hại lợi ích quốc gia, dân tộc⁶.

Các thế lực thù địch còn tán phát nhiều tài liệu, bài viết có nội dung xuyên tạc đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ; chính sách quốc phòng của Việt Nam và khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam, gây tâm lý bất an, hoài nghi cho một bộ phận quần chúng do thiếu thông tin, do ngộ nhận; đòi “hợp tác với một nước khác để giải quyết tình hình”, từ đó đánh vào tâm lý người dân, cho rằng lãnh đạo Đảng, Nhà nước “vì phe này, phe kia” để chủ quyền biển, đảo bị xâm lấn; đưa ra luận điệu: khi đất nước chỉ có một đảng thì không có đủ sức mạnh để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, từ đó hướng lái tư tưởng đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Như vậy, lợi dụng vấn đề nhạy cảm của biên giới trên đất liền và tình hình tranh chấp trên Biển Đông, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã lợi dụng để xuyên tạc, chống phá sự lãnh đạo của

Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo; từ đó chia rẽ mối quan hệ mật thiết của Đảng với nhân dân; hạ thấp uy tín của Đảng, Nhà nước Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Đó là những âm mưu, thủ đoạn tinh vi cần phải đưa ra những cách thức đấu tranh phản bác có hiệu quả, góp phần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và nâng cao tinh thần cảnh giác và ý thức trách nhiệm cho nhân dân.

2. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới của Tổ quốc

Biên giới, biển đảo là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, cấu thành chủ quyền quốc gia, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo của Việt Nam là điều kiện, nội dung giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng năm 2021 xác định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”⁷. Đây là chủ trương thể hiện định hướng chiến lược để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

Thực tế từ sau ngày miền Nam được giải phóng (30-4-1975), đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn tích cực, chủ động thực hiện đàm phán với các nước láng giềng để giải quyết từng bước những tồn tại về biên giới trên đất liền với các nước liên quan. Quá trình này được triển khai theo nguyên tắc pháp lý mà các bên đã thỏa thuận dùng làm căn cứ duy nhất để xử lý tất cả nội dung cần thực hiện trong các giai đoạn: Hoạch định biên giới, phân giới cắm mốc và quản lý biên giới, mốc quốc giới mới.

Sau khi bình thường hóa quan hệ, từ tháng 10-1992, Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục tiến hành đàm phán về biên giới lãnh thổ. Sau 01 năm đàm phán, tháng 10 - 1993 hai bên đã ký thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới

lãnh thổ giữa Việt Nam - Trung Quốc. Theo đó hai bên đồng ý lấy các Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895 và các văn kiện, bản đồ hoạch định, cắm mốc biên giới kèm theo làm căn cứ pháp lý cơ bản để hai bên giải quyết tranh chấp, bất đồng nảy sinh trên biên giới trong lịch sử. Qua nhiều đợt đàm phán, đến ngày 30-12-1999, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp ước về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, đặt nền tảng cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định lâu dài giữa hai nước.

Đến ngày 31-12-2008, Việt Nam và Trung Quốc đã giải quyết dứt điểm toàn bộ các vấn đề còn tồn tại, hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền với chiều dài 1.449,566 km, trong đó có 383.914 km đường biên giới đi theo sông suối; cắm 1.970 cột mốc (trong đó có 01 mốc ngã ba biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào, 1.548 cột mốc chính; 422 cột mốc phụ)⁸. Hệ thống mốc giới này đã được đánh dấu, ghi nhận và mô tả phù hợp với địa hình thực tế một cách khách quan, khoa học, chi tiết. Nếu so sánh với đường biên giới của các nước trên thế giới, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được đánh giá là có mức độ cột mốc dày đặc và rõ ràng, được xác định theo phương pháp hiện đại, đảm bảo tính trung thực và bền vững lâu dài.

Ở những khu vực phức tạp, có ý kiến khác nhau như cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn), thác Bản Giốc (Cao Bằng) và cửa sông Bắc Luân (Quảng Ninh)... Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán qua rất nhiều vòng và đến những phút cuối cùng mới đạt tới giải pháp hai bên cùng chấp nhận được. Cụ thể là:

- *Tại cửa khẩu Hữu Nghị*, đường biên giới đi qua Km0, mốc 19 cũ của Pháp và cách điểm nối ray 148 mét về phía Bắc, đúng theo bản ghi nhận chung giải quyết các khu vực C.

- *Tại khu vực thác Bản Giốc*, đường biên giới đi từ mốc 53 cũ qua cồn Pò Thoong đến điểm giữa mặt thác chính (phần thác phụ và 1/2 thác chính, 1/4 cồn Pò Thoong quy thuộc Việt Nam, ta giữ lại dấu tích trạm thủy văn xây dựng từ những năm 1960 trên cồn Pò Thoong). Hai bên thỏa thuận sẽ bàn bạc việc hợp tác phát triển tiềm năng du lịch tại thác Bản Giốc.

- *Tại khu vực cửa sông Bắc Luân*, đường biên

giới đi trên bãi Tục Lãm và bãi Dậu Gót (3/4 bãi Tục Lãm và 1/3 bãi Dậu Gót thuộc Việt Nam; 1/4 bãi Tục Lãm và 2/3 bãi Dậu Gót thuộc phía Trung Quốc). Hai bên thỏa thuận không xây dựng công trình nhân tạo tại các khu vực thác Bản Giốc, bãi Tục Lãm, hòn Tài Xọc, bãi Dậu Gót; đồng thời nhất trí thiết lập khu giao thông thủy tự do cho dân địa phương hai bên sử dụng luồng hai bên bãi Tục Lãm và bãi Dậu Gót.

Như vậy, kết quả giải quyết các khu vực nhạy cảm nói trên là công bằng, tuân theo đúng các nguyên tắc mà hai bên đã thỏa thuận cũng như những quy định của Hiệp ước năm 1999, đáp ứng được mối quan tâm của cả hai bên, đảm bảo cho việc quản lý ổn định, lâu dài và tránh những tranh chấp có thể xảy ra trong tương lai⁹. Kết quả này là hợp lý, thỏa đáng và hai bên cùng chấp nhận được, hoàn toàn không có chuyện Việt Nam bị “mất đất” như một số thế lực thù địch cố tình xuyên tạc.

Đối với vấn đề biên giới Việt Nam - Lào, trên cơ sở mối quan hệ truyền thống đặc biệt giữa hai nước Việt Nam và Lào, với tinh thần bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phù hợp với luật pháp quốc tế, hai nước đã kiên trì giải quyết thành công vấn đề biên giới. Ngày 18-7-1977, Việt Nam và Lào đã ký *Hiệp ước hoạch định biên giới* đặt nền móng cho việc thiết lập một đường biên giới quốc tế giữa hai nước. Đến năm 2007, đoạn biên giới cuối cùng giữa hai nước (U6) cũng được giải quyết. Biên giới Việt - Lào là đường biên giới quốc tế hoàn chỉnh đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng. Từ năm 2007 đến 2016, hai nước đã cùng nhau hoàn thành Dự án tăng dày, tôn tạo mốc giới. Qua đó, đường biên giới giữa hai nước dài 2.340 km đã được bổ sung 1.002 cột mốc và cọc dấu, tăng 5 lần so với trước đây. Kết quả này thể hiện sinh động mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước; thể hiện sự nhất trí cao, sự tin cậy, hiểu biết lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước và Nhân dân hai nước¹⁰.

Trong việc giải quyết biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, sau khi ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác (18-02-1979), hai bên cam kết sẽ giải quyết bằng thương lượng hòa bình tất cả những

bất đồng có thể nảy sinh trong quan hệ giữa hai nước về vấn đề biên giới. Mặc dù có những khó khăn, cản trở trong quá trình đàm phán giải quyết biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, đến nay hai bên đã hoàn thành 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến. Đây những thành quả rất quan trọng, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác, góp phần củng cố hòa bình, an ninh khu vực, đồng thời tăng cường thế và lực của đất nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về vấn đề tranh chấp ở Biển Đông, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn thể hiện tinh thần đấu tranh kiên quyết, kiên trì bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982); thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); tiến hành đàm phán phân định ranh giới các vùng biển giữa Việt Nam với các nước láng giềng trên Biển Đông; đàm phán phân định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa với Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ. Đồng thời, thông qua các diễn đàn, các cuộc gặp gỡ ngoại giao Việt Nam phản đối và kiên quyết bác bỏ yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc ở Biển Đông. Việt Nam phản đối yêu sách của Trung Quốc tại Công hàm số CML/14/2019 ngày 12-12-2019 và Công hàm số CLM/11/2020 ngày 23-3-2020 của phái đoàn thường trực nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Liên hợp quốc gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc. Các yêu sách này vi phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam ở Biển Đông¹¹.

Trong tháng 5-2023, tàu khảo sát Hường Dương Hồng 10 cùng các tàu hải cảnh, tàu cá Trung Quốc xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng Việt Nam đã giao thiệp nhiều lần với phía Trung Quốc, triển khai các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế, luật pháp Việt Nam để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam. Việt Nam yêu cầu các cơ quan liên quan phía Trung Quốc tuân thủ nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước, chấm dứt ngay hoạt động xâm phạm, rút tàu Hường Dương Hồng 10 và các tàu hải cảnh, tàu cá ra khỏi

vùng biển Việt Nam; tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam, thực hiện nghiêm túc Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), giữ gìn hòa bình, hợp tác và phát triển ở Biển Đông, đóng góp vào việc phát triển quan hệ hai nước¹².

Việt Nam tiếp tục tiến hành các hoạt động bình thường tại các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của mình theo đúng các quy định của Công ước Luật Biển năm 1982. Việt Nam sẵn sàng cùng Trung Quốc và các nước liên quan khác tìm kiếm và triển khai các hoạt động hợp tác ở Biển Đông trong các lĩnh vực ít nhạy cảm như an toàn hàng hải; cứu nạn, cứu trợ trên biển; nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường biển; chống tội phạm trên biển...

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về biển, Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai nhiều hoạt động cụ thể để nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, kiên trì đấu tranh trên thực địa nhằm giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, bảo vệ lợi ích biển, đảo của đất nước. Hiện nay, Việt Nam đang quản lý 21 đảo, đá với 33 điểm đóng quân tại quần đảo Trường Sa¹³. Chính phủ Việt Nam chú trọng công tác xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao điều kiện sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên đảo; đồng thời hỗ trợ ngư dân ra đánh bắt ở vùng biển Trường Sa. Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm và bảo vệ các hoạt động nghề cá của ngư dân Việt Nam; kịp thời bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và hoạt động sản xuất bình thường của ngư dân trong các vùng biển của Việt Nam.

Thực thi và bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam tại thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế ở Biển Đông, Việt Nam đã duy trì hệ thống nhà dân DK trên vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam để hỗ trợ cho các hoạt động quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên trong vùng biển và thềm lục địa, làm chỗ dựa cho ngư dân ra khai thác đánh bắt hải sản, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ vùng biển, vùng trời thềm lục địa của Tổ quốc.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia về biển (Luật Biên

giới Quốc gia năm 2003; Luật Biển Việt Nam năm 2012), tạo khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động khai thác, quản lý và bảo tồn các nguồn tài nguyên biển phù hợp với Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, phục vụ nhiệm vụ tập trung phát triển kinh tế, thúc đẩy quan hệ kinh tế của Việt Nam với các nước trong khu vực, nâng tầm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong đối ngoại quốc phòng, Việt Nam chủ trương không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào, nhưng sẵn sàng quan hệ hợp tác với các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, “vì lợi ích chung của cộng đồng quốc tế và khu vực”¹⁴. Chính sách quốc phòng của Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ; tích cực, chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Đồng thời, Việt Nam kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước¹⁵.

Kết luận

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, cấu thành chủ quyền quốc gia, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng; giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia thông qua đàm phán trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau. Ngoài ra, trước các hoạt động xâm phạm của các thế lực thù địch, Đảng và Nhà nước đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, kiên quyết bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

Những chủ trương, quan điểm, giải pháp và thực tiễn hoạt động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời gian qua chính là căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn quan trọng để chúng ta tiếp tục kiên trì, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái,

xuyên tạc vấn đề chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Việt Nam.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc về chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ đường lối, quan điểm, lập trường của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xuất bản; tổ chức hội thảo khoa học để làm sáng tỏ những luận điểm, luận cứ pháp lý và lịch sử liên quan đến vấn đề chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.

- Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông trong việc cập nhật và minh bạch hóa thông tin, kịp thời phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia, góp phần định hướng dư luận xã hội.

Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong đó, việc đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam sẽ góp phần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời còn góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

1. Trung tâm từ điển học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2011, tr. 699.

2, 11, 13. Trần Công Trục: *Tranh chấp Biển Đông - Pháp lý và thực tiễn*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 12, 264.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc - Biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 194 - 195.

4. <https://danviet.vn/tien-si-tran-cong-truc-khong-co-chuyen-viet-nam-ban-dat-ban-thac-cho-trung-quoc-2020-0824235021785.htm>.

5. Nguyễn Văn Minh: *Bảo vệ chủ quyền - kiên quyết, kiên trì và sách lược đúng đắn*, Tạp chí Tuyên giáo số 9/2019, tr. 19.

Phát triển nông nghiệp phải đi đôi với phát triển thương nghiệp. Bởi thương nghiệp là cầu nối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất với tiêu dùng, giữa địa phương với trung ương, giữa công nhân với nông dân, giữa trong nước và nước ngoài. Nếu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp và công nghiệp, không củng cố được liên minh công nông. Đây là tư tưởng chỉ đạo lớn và rất đúng đắn mà Hồ Chí Minh đã chỉ dạy cho chúng ta. Vì vậy, bố trí sản xuất công nghiệp phải gắn chặt với các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp và các vùng phát triển dịch vụ, như các ngành phục vụ cho dịch vụ logistic, kho tàng, bến bãi, vận tải.

Đẩy mạnh hợp tác xã nông nghiệp theo Hồ Chí Minh, cũng là một trong những biện pháp quan trọng không chỉ để từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, mà còn là biện pháp tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm (nhân lực, nguồn lực...) và ứng dụng khoa học công nghệ một cách hiệu quả nhất. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp là tất yếu, khách quan trên con đường xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống của nhân dân. Người yêu cầu: “Vận động nông dân vào tổ đổi công, hợp tác xã thì phải tuyên truyền giải thích thì chưa đủ, mà phải lấy kết quả thực tế để nông dân nhìn thấy tận mắt, nghe thấy tận tai thì việc tuyên truyền đó mới có kết quả tốt”¹¹. Phát triển hợp tác xã cần xây dựng chi hội nông dân nghề nghiệp và tổ hội nông dân nghề nghiệp gắn với xây dựng hợp tác xã kiểu mới hoạt động theo phương thức “5 tự” (tự giác, tự nguyện, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm) và “5 cùng” (cùng ngành nghề - lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, cùng môi quan tâm, cùng có sự chia sẻ, cùng chịu trách nhiệm, cùng hưởng thụ) để nâng cao năng

lực tổ chức liên kết “sáu nhà” hay liên kết chuỗi và nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức mới và đẩy mạnh trí thức hóa nông dân.

Phát triển nông nghiệp hiện đại còn phải gắn liền với chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn bằng công nghệ hiện đại, tiệm cận gần hơn với nền nông nghiệp thông minh có năng suất và chất lượng cao để thực hiện khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia thu nhập cao.

Sau sự tác động của đại dịch Covid-19 tới tất cả các ngành, các lĩnh vực càng khẳng định vai trò bệ đỡ của nông nghiệp đối với nền kinh tế, nông nghiệp đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch. Có thể thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn đã góp phần giải quyết những nhiệm vụ của cách mạng nước ta, trong kháng chiến lẫn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng, Nhà nước cần tiếp tục vận dụng những tư tưởng của Người để khắc phục những hạn chế còn tồn tại và phát triển xây dựng nền nông nghiệp hiện đại trong thời đại công nghệ 4.0. Phát triển nông nghiệp thật sự thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại.

1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 4, tr.246; t. 11, tr.361; t. 12, tr. 308; t. 12, tr. 445; t.13, tr. 62; t. 11, tr. 391; t. 7, tr. 73; t. 11, tr. 361.

3. Hồ Chí Minh: *Ba mươi năm hoạt động của Đảng năm 1960*, báo Nhân dân, số 2120, ngày 6-10-1960, Nxb CTQG, H. 2011, t. 12, tr. 412.

8, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, tr. 241; tr. 137.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC...

6. Vũ Thành Nam: *Cảnh giác với những luận điệu xuyên tạc mới về tình hình biển Đông*, Tạp chí Khoa học an ninh, số 7/2020, tr. 22-25.

7, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 156 - 157.

8, 9. Vũ Dương Ninh: *Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb CAND, 2010, tr. 316 - 317.

10. Nguyễn Hồng Thao: *Biên giới hữu nghị đặc biệt Việt - Lào*, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 6.

12. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/yeu-cau-trung-quoc-rut-tau-huong-duong-hong-10-va-cac-tau-hai-canhtau-ca-ra-khoi-vung-bien-viet-nam-729225>.

14. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 109.

Tiếp theo trang 15